

Thứ hai, ngày 21 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Đà giảm tiếp diễn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/10/2019		●	
Tuần 21/10-25/10/2019		●	
Tháng 10/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã chìm trong sắc đỏ khi áp lực chốt lời tăng mạnh tại nhóm cổ phiếu Ngân hàng bao gồm VCB, BID, VPB. Trong phần lớn thời gian phiên chiều, chỉ số chủ yếu dao động trong biên độ hẹp dưới mốc tham chiếu trước khi bị đẩy xa khỏi mốc 989.20 điểm khi SAB và nhóm Ngân hàng tiếp tục tác động tiêu cực lên VN-Index. Thị trường có phiên giao dịch ngược chiều xu hướng trong khu vực khi những diễn biến khó lường từ sự kiện Brexit tuần qua chưa cho thấy tín hiệu đột phá. Bên cạnh đó, kì họp Quốc hội thứ 8 khóa XIV khai mạc ngày hôm nay được kì vọng sẽ thông qua Luật chứng khoán sửa đổi trong thời gian tới, qua đó tạo điều kiện cho Việt Nam trong tiến trình nâng hạng thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. VNM vận động tăng mạnh trong những phiên gần đây sau khi tích lũy quanh mức giá 128. Thanh khoản tăng mạnh và các chỉ báo kỹ thuật cho thấy tín hiệu tăng ngắn hạn. Vận động tăng của VNM có thể tạo động lực tăng với giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%. 3/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có 10/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (-0.6%). Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.5%.

Phân tích kỹ thuật: CVT_Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: TCM, KDH, TNG, TCB, BID

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.64 điểm**, đóng cửa 983.56. HNX-Index **-1.47 điểm**, đóng cửa 104.01.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.57); LGC (+0.16); VJC (+0.14); GAS (+0.11); STB (+0.08).**
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-1.31); VCB (-0.87); BID (-0.79); TCB (-0.51); VHM (-0.49).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,146 tỷ đồng**, **+7.0%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.62 điểm. Thị trường có 135 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 173 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **37.87 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm GTN (33.13 tỷ), MSN (25.77 tỷ) và VHM (16.29 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.28 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

983.56

Giá trị: 3146.86 tỷ

-5.64 (-0.57%)

Khối ngoại (ròng): -38.14 tỷ

HNX-INDEX

104.01

Giá trị: 271.17 tỷ

-1.47 (-1.39%)

Khối ngoại (ròng): -2.28 tỷ

UPCOM-INDEX

56.60

Giá trị: 182.36 tỷ

0.14 (0.25%)

Khối ngoại (ròng): -7.6 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.0	0.32%
Giá vàng	1,490	0.04%
Tỷ giá USD/VND	23,204	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,821	0.48%
Tỷ giá JPY/VND	21,372	-0.15%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	7.53%
LS TPCP 5 năm	2.7%	-1.20%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	16.9	GTN	33.2
PTB	15.0	MSN	25.8
KBC	7.4	VHM	16.3
VCB	5.9	HPG	13.4
HCM	5.0	VJC	10.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 3/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có **10/17 danh mục** có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-0.6%). Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **10/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Vật liệu Xây dựng	0.5%	0.5%	1.7%	2.1%	6.2%	3.1%	5.0%
Chiến tranh thương mại	0.3%	-0.1%	0.0%	-5.5%	-2.9%	-3.4%	6.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	0.0%	2.1%	0.2%	0.2%	-6.2%	-4.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.1%	-2.2%	0.2%	-9.1%	-11.2%	-15.4%	40.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	-0.4%	-0.8%	-1.1%	0.0%	6.1%	77.5%
Nước & Năng lượng	-0.3%	-1.0%	-3.1%	-3.0%	0.5%	6.9%	52.2%
Dầu khí	-0.4%	-1.3%	-4.2%	-6.3%	-5.3%	-8.1%	8.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	-1.0%	-1.4%	5.4%	13.3%	12.0%	93.1%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.5%	-1.2%	-1.5%	0.0%	3.4%	1.6%	58.1%
Lãi suất giảm	-0.5%	-0.9%	0.8%	-0.8%	3.1%	1.8%	51.9%
Hàng tiêu dùng	-0.7%	-0.6%	-0.6%	4.1%	9.9%	9.5%	64.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	-1.9%	0.0%	3.8%	8.3%	5.8%	71.4%
Xây dựng	-0.8%	-2.9%	-2.5%	-2.6%	-4.9%	-11.7%	26.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.9%	-0.5%	-0.3%	-6.2%	-0.9%	11.2%	46.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.9%	-2.0%	-1.9%	4.0%	11.0%	3.5%	76.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.0%	-1.5%	2.5%	4.2%	5.5%	-1.5%	37.1%
Ngân hàng	-1.8%	-2.7%	1.8%	7.3%	11.2%	6.9%	80.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 12	0.3%	-0.1%	-1.5%	6.4%	10.4%	16.0%	105.2%
Danh mục 15	0.2%	0.1%	2.9%	6.2%	8.8%	10.1%	80.6%
Danh mục 6	0.0%	-0.6%	-0.6%	3.3%	13.2%	12.6%	97.2%
Danh mục 9	-0.9%	-1.3%	-1.5%	3.4%	9.4%	7.3%	54.5%
Danh mục 4	-1.0%	-1.8%	-0.2%	0.8%	6.7%	-7.1%	23.6%
* Note	10/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 24	0.0%	-1.2%	-0.7%	2.4%	11.0%	5.9%	68.7%
Danh mục 25	-0.2%	-1.9%	-1.3%	-1.6%	10.7%	22.2%	170.9%
Danh mục 20	-0.5%	0.4%	2.3%	0.1%	4.9%	8.2%	19.1%
Danh mục 22	-1.2%	-2.5%	-2.3%	8.4%	15.9%	9.7%	76.3%
Danh mục 21	-1.3%	-2.1%	-2.3%	3.2%	7.8%	2.8%	41.7%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.6%	-1.0%	-0.7%	-0.6%	1.8%	2.1%	45.9%
VN30INDEX	-0.6%	-0.9%	-0.1%	2.9%	4.1%	-2.7%	41.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/21/2019

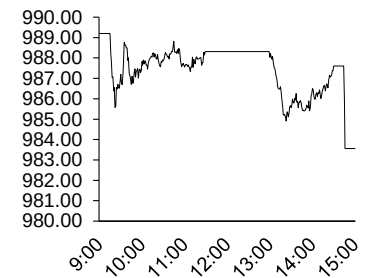
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

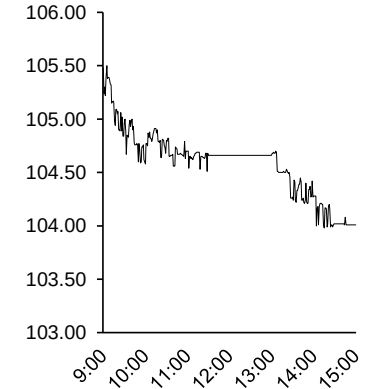
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%
Bán lẻ	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Du lịch và Giải trí	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.2%
Bất động sản	-0.2%
Hóa chất	-0.5%
Dịch vụ tài chính	-0.6%
Bảo hiểm	-0.7%
Thực phẩm và đồ uống	-0.7%
Dầu khí	-0.7%
Tài nguyên Cơ bản	-0.8%
Y tế	-1.0%
Công nghệ Thông tin	-1.1%
Ngân hàng	-1.3%
Ô tô và phụ tùng	-2.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

CVT_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD đảo chiều tích cực.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu CVT đang nằm trong xu hướng tăng trung dài hạn kể từ ngưỡng giá 18. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên và đồng thuận với đà tăng của bước giá trong phiên gần nhất, cho thấy động lực tăng vẫn khá mạnh. Chỉ báo RSI duy trì xu hướng tăng giá tích cực trong khi chỉ báo MACD đang cho thấy tín hiệu đảo chiều. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng trong trung hạn vẫn đang được duy trì. Như vậy, CVT có thể tăng giá trở về vùng kháng cự 27-28 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh 9T2019: Doanh thu 1,148 tỷ đồng (+9.6% YoY), sản lượng 11.4 triệu m2 (tương đương 9T2018), trong đó: sản lượng Q3/2019 ước đạt 5.1 triệu m2, doanh thu 485 tỷ (+9.2% YoY). Ước tính sản lượng Q4/2019 đạt 5.2 -5.5 triệu m2, cả năm 17 triệu m2 (tương đương kế hoạch sản xuất).

Tình hình tiêu thụ: thị trường chung vẫn khó khăn, công ty linh hoạt sản xuất thông qua tập trung các dòng sản phẩm mới có lợi nhuận tốt: gạch ốp 60x60 mài nano; ngói và gạch thẻ thay vì đẩy sản lượng. Tiêu thụ từ cuối Q2/2019 có dấu hiệu khả quan hơn do vào mùa hoàn thiện cuối năm. Thời gian tới, CVT sẽ giảm bớt số lượng đại lý, tập trung hỗ trợ các đại lý có khả năng tiêu thụ tốt và ổn định.

Dự báo KQKD

Chúng tôi dự báo doanh thu của CVT năm 2019 đạt 1,567 tỷ đồng (+8% YoY), tương đương với tổng sản lượng tiêu thụ là 17.5 triệu m2 (+1.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ (tương đương 2018), EPS fw = 4,194 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPT 5% LNST).

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

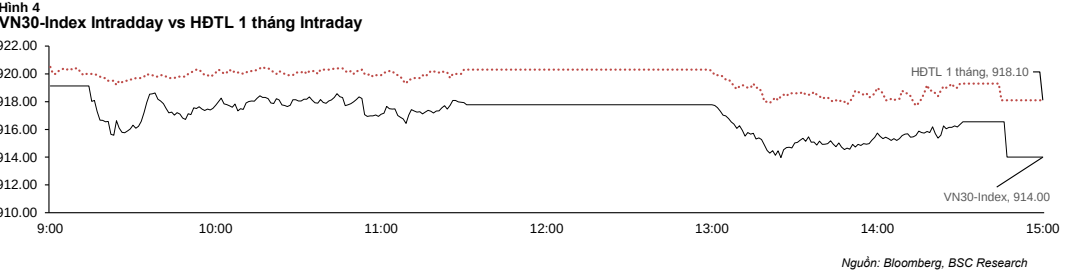
TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	918.10	-0.36%	4.10	-3.4%	47353	11/21/2019	33
VN30F1912	916.60	-0.43%	2.60	23.7%	313	12/19/2019	61
VN30F2003	917.20	-0.30%	3.20	-90.5%	16	3/19/2020	152
VN30F2006	921.00	-0.11%	7.00	-71.0%	49	6/18/2020	243

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -5.13 điểm xuống mức 914.00 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, SAB, MSN, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm điểm của VN30. VN30 giằng co quanh ngưỡng 917-918 điểm trong phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 phục hồi sau khi giảm mạnh vào đầu phiên. Trong phiên ATC, VN30 bắt ngờ giảm mạnh trở lại. Thanh khoản tiếp tục duy trì tại mức cao, đồng thuận cùng điều chỉnh giảm ngắn hạn của chỉ số.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM1901	KIS	12/13/2020	419	10:1	699,140	-29.7%	5.0 triệu	18.92%	1,200	690	7.81%	3.70	186.49
CVNM1902	KIS	3/26/2020	157	10:1	15,330	7.1%	5.0 triệu	18.92%	1,900	3,050	7.77%	4,062.10	0.75
CVJC1901	KIS	2/26/2020	128	10:1	17,610	206.8%	5.0 triệu	15.34%	1,800	2,730	5.00%	1,830.20	1.49
CSTB1901	KIS	1/9/2020	80	1:1	171,590	31.6%	1.5 triệu	20.80%	1,390	1,570	0.64%	515.00	3.05
CVRE1901	KIS	11/14/2019	24	2:1	137,610	293.8%	2.5 triệu	25.99%	1,900	370	0.00%	0.10	3,700.00
CMWG1906	MBS	12/16/2019	56	5:1	34,670	120.0%	3.0 triệu	20.49%	2,850	2,400	0.00%	1,086.40	2.21
CHPG1902	KIS	12/11/2019	51	5:1	197,950	-52.7%	6.0 triệu	28.44%	1,000	100	0.00%	-	n/a
CVIC1901	KIS	11/14/2019	24	5:1	92,590	-16.8%	2.0 triệu	20.94%	1,960	550	0.00%	0.10	5,500.00
CHPG1905	SSI	12/30/2019	70	1:1	46,220	496.4%	1.0 triệu	28.44%	3,300	1,920	-0.52%	450.40	4.26
CNVL1901	KIS	2/7/2020	109	4:1	83,100	86.6%	5.0 triệu	20.29%	1,900	2,230	-3.04%	563.50	3.96
CMWG1903	HSC	12/30/2019	70	5:1	27,400	22.6%	2.0 triệu	20.49%	2,700	6,010	-3.06%	5,723.10	1.05
CMWG1902	VND	12/11/2019	51	4:1	39,780	290.0%	2.4 triệu	20.49%	2,990	8,660	-3.24%	8,348.80	1.04
CDPM1901	KIS	1/9/2020	80	1:1	15,390	48.8%	1.5 triệu	26.86%	1,900	2,500	-3.47%	1,188.80	2.10
CMWG1904	SSI	12/30/2019	70	1:1	16,120	49.5%	1.0 triệu	20.49%	14,000	35,220	-4.29%	33,616.60	1.05
CVHM1901	KIS	2/7/2020	109	4:1	3,300	1000.0%	5.0 triệu	26.94%	3,100	3,320	-5.14%	1,036.60	3.20
CFPT1903	SSI	12/30/2019	70	1:1	15,310	-58.7%	2.0 triệu	20.33%	6,000	12,990	-5.18%	11,780.30	1.10
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	49	5:1	16,210	59.1%	1.5 triệu	20.49%	5,600	6,100	-6.15%	5,879.60	1.04
CMBB1902	HSC	12/17/2019	57	1:1	238,120	25.8%	1.0 triệu	17.01%	3,200	3,750	-7.18%	1,347.70	2.78
CREE1901	MBS	11/19/2019	29	3:1	140,240	10.3%	3.0 triệu	23.39%	1,260	780	-9.30%	293.40	2.66
CFPT1904	MBS	11/19/2019	29	3:1	224,470	64.1%	3.0 triệu	20.33%	1,700	1,900	-11.63%	1,594.60	1.19
CHPG1906	KIS	11/14/2019	24	2:1	338,380	-44.6%	5.0 triệu	28.44%	1,500	140	-17.65%	0.10	1,400.00
CMSN1901	KIS	11/14/2019	24	5:1	53,600	-37.7%	1.8 triệu	22.75%	1,920	480	-21.31%	0.60	800.00
Tổng:					2,624,130		65.2 triệu	22.12%**					
Chú thích:					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn								

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CMSN1901 và CHPG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là -21.31% và -17.65%. Thanh khoản thị trường giảm -13.62%. CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 27% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và MWG, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CVNM1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VNM vận động tăng mạnh trong những phiên gần đây sau khi tích lũy quanh mức giá 128. Thanh khoản tăng mạnh và các chỉ báo kỹ thuật cho thấy tín hiệu tăng ngắn hạn. Vận động tần của VNM có thể tạo động lực tăng với giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	133.60	0.83	0.78
STB	10.95	1.39	0.36
VJC	140.00	0.65	0.34
NVL	60.30	0.33	0.10
EIB	16.60	0.30	0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.9	-2.05	-1.58
VPB	22.0	-1.79	-0.96
SAB	245.0	-2.82	-0.70
MBB	22.7	-1.52	-0.67
MSN	75.0	-1.32	-0.65

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1901	46,340	156,285	133,600
CVNM1902	152,333	133,333	133,600
CVJC1901	163,678	145,678	140,000
CSTB1901	12,278	10,888	10,950
CVRE1901	44,688	40,888	31,900
CMWG1906	135,150	120,900	122,900
CHPG1902	166,285	41,999	21,200
CVIC1901	150,688	140,888	116,900
CHPG1905	93,300	23,100	21,200
CNVL1901	69,688	62,088	60,300
CMWG1903	25,800	95,000	122,900
CMWG1902	48,130	90,000	122,900
CDPM1901	15,888	13,988	14,650
CMWG1904	165,000	90,000	122,900
CVHM1901	102,288	89,888	86,500
CFPT1903	56,154	45,140	56,500
CMWG1905	122,000	94,000	122,900
CMBB1902	26,300	21,800	22,650
CREE1901	41,330	37,550	36,700
CFPT1904	57,100	52,000	56,500
CHPG1906	31,088	28,088	21,200
CMSN1901	98,488	88,888	75,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	122.9	0.0%	0.7	2,366	2.2	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.0	-0.5%	1.0	793	1.6	4,839	16.9	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.8	-0.8%	1.3	2,158	0.3	1,505	47.0	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.4	0.9%	0.7	326	0.1	3,061	10.6	1.1	54.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	116.9	-0.1%	1.1	17,006	1.0	1,643	71.1	4.7	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.9	0.0%	1.1	3,230	4.0	1,033	30.9	2.6	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.3	0.3%	0.8	2,439	0.7	3,579	16.8	2.8	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	36.7	-0.1%	1.0	495	1.0	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.7	-2.2%	1.4	359	0.8	3,215	4.9	0.9	46.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.8	-1.4%	1.4	459	1.3	1,737	12.0	1.1	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.3	-0.6%	1.0	245	0.0	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.2	-1.3%	1.5	295	1.0	1,287	17.2	1.6	56.1%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.5	-1.1%	0.8	1,666	3.1	4,349	13.0	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.2	0.2%	1.5	8,421	0.7	6,066	16.7	4.3	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	57.5	-0.7%	1.5	2,977	0.3	3,350	17.2	3.4	13.4%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.4	-0.5%	1.7	382	0.9	2,397	7.7	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.5	-1.0%	0.8	1,281	0.6	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.0	-1.6%	0.5	523	0.0	4,535	20.3	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.7	-2.0%	0.7	249	0.2	853	17.2	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.6	-0.9%	0.6	175	0.1	897	8.5	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	84.2	-0.9%	1.3	13,578	2.1	4,729	17.8	4.1	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	39.3	-2.0%	1.5	5,842	2.2	2,091	18.8	2.5	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.3	-1.6%	1.6	3,440	3.3	1,470	14.5	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.0	-1.8%	1.2	2,350	5.7	2,989	7.4	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.7	-1.5%	1.1	2,248	4.8	3,215	7.0	1.4	21.6%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.4	-2.9%	1.1	1,650	2.8	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	52.6	-1.5%	0.9	187	0.3	5,017	10.5	1.8	79.0%	17.1%
NTP	Nhựa	37.1	-5.8%	0.3	144	0.4	4,490	8.3	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.4	-1.8%	1.2	641	0.0	732	22.4	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.2	-0.9%	1.0	2,545	2.9	2,760	7.7	1.3	37.5%	19.9%
HSG	Thép	6.7	-2.7%	1.5	124	1.0	425	15.8	0.5	17.2%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	133.6	0.8%	0.8	10,115	11.7	5,465	24.4	8.2	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	245.0	-2.8%	0.8	6,831	0.1	6,735	36.4	9.0	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.0	-1.3%	1.2	3,812	2.5	3,304	22.7	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.7	-0.3%	0.5	476	1.1	445	41.9	1.7	5.9%	3.9%
ACV	Vận tải	77.5	-0.4%	0.8	7,336	0.1	2,630	29.5	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	140.0	0.6%	1.1	3,189	3.0	9,850	14.2	5.4	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	34.3	-1.3%	1.7	2,112	0.5	1,747	19.6	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.5	0.4%	0.8	342	0.1	1,888	14.0	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.6	0.0%	0.6	203	0.1	2,435	6.8	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.7	0.6%	0.9	584	0.6	7,667	11.2	4.4	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	0.3%	0.8	372	0.1	1,327	14.4	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	3.2%	0.8	265	0.2	1,657	9.7	1.1	6.1%	11.7%
CTD	Xây dựng	85.7	-1.8%	0.7	284	0.2	13,535	6.3	0.8	48.7%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.2	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	25.0	-1.0%	0.5	269	0.3	387	64.6	1.2	52.1%	1.9%
POW	Điện	13.2	-1.1%	0.6	1,339	0.8	820	16.0	1.3	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.3	0.0%	0.6	292	0.2	2,721	8.6	1.6	19.8%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	133.60	0.83	0.57	2.01MLN
LGC	41.70	6.92	0.15	10.00
VJC	140.00	0.65	0.14	489400.00
GAS	101.20	0.20	0.11	170180.00
STB	10.95	1.39	0.08	2.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	34.00	8.28	0.09	300.00
SHS	8.20	2.50	0.03	179600.00
NET	39.10	8.61	0.03	2600.00
ART	2.20	10.00	0.02	1.85MLN
KLF	1.40	7.69	0.02	2.40MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	245.00	-2.82	-1.34	13700.00
VCB	84.20	-0.94	-0.88	561470.00
BID	39.30	-2.00	-0.81	1.28MLN
TCB	23.90	-2.05	-0.52	1.60MLN
VHM	86.50	-0.57	-0.49	484630.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.40	-2.90	-1.17	2.74MLN
SHB	6.50	-1.52	-0.11	4.54MLN
NVB	8.60	-2.27	-0.08	543600.00
NTP	37.10	-5.84	-0.07	220400.00
DGC	25.70	-1.91	-0.04	118500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	9.63	7.00	0.00	490.00
VSI	23.70	7.00	0.01	160.00
AMD	1.69	6.96	0.01	2.17MLN
HRC	43.85	6.95	0.03	10.00
EVG	2.78	6.92	0.00	2.77MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	70700.00
ART	2.20	10.0	0.02	1.85MLN
DST	1.10	10.0	0.00	563800.00
RCL	15.50	9.9	0.01	1000.00
GDW	26.30	9.6	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CCL	6.50	-7.14	-0.01	86910.00
MCP	16.65	-6.98	-0.01	1160.00
CDC	14.15	-6.91	-0.01	1010.00
CMX	22.45	-6.85	-0.01	6770.00
HTT	1.40	-6.67	0.00	80810.00

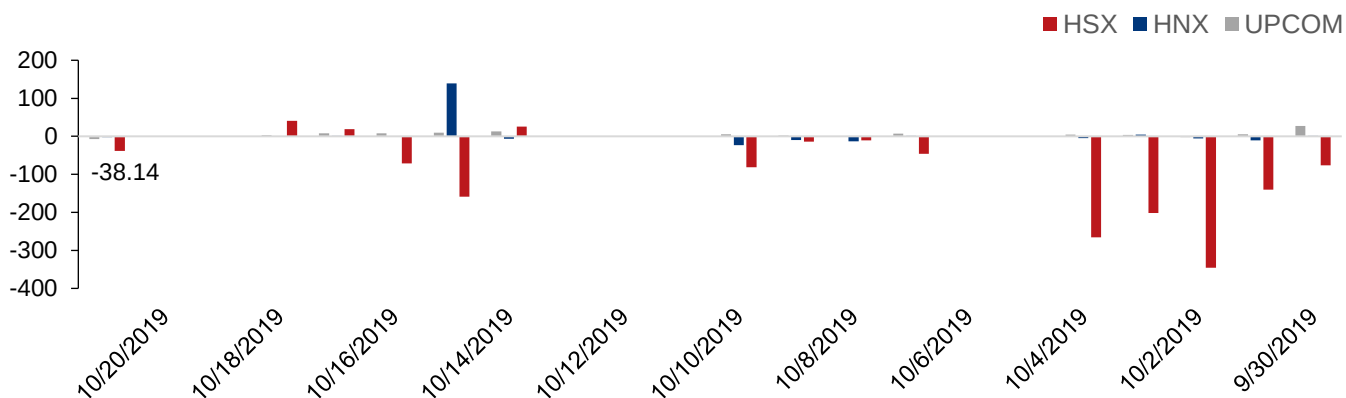
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.90	-10.00	0.00	34700.00
TTZ	3.60	-10.00	0.00	58900.00
VE4	6.40	-9.86	0.00	100.00
KTS	10.60	-9.40	0.00	100.00
SAF	44.40	-9.20	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



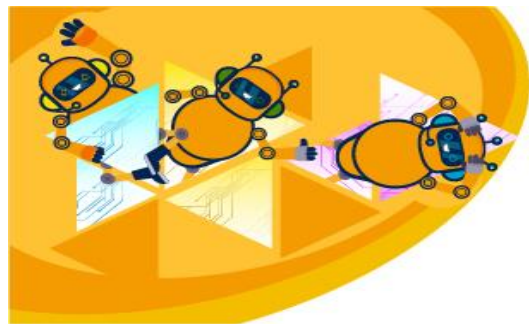
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.0	2,582	7.4	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.8	3,672	10.6	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	75.0	3,304	22.7	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	133.6	5,465	24.4	8.2	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.7	2,887	7.9	1.7	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.7	5,261	7.0	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.7	18,865	4.3	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,076	4.1	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.4	4,469	5.2	1.2	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.0	1,098	12.8	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	84.2	4,729	17.8	4.1	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.5	1,723	13.6	1.7	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.7	3,215	7.0	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	54.2	2,801	19.4	3.2	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.5	1,888	14.0	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.6	3,391	8.1	2.0	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.5	4,349	13.0	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.5	649	20.8	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	122.9	7,893	15.6	5.2	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	82.0	4,839	16.9	4.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đã có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cầu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xút nhập khẩu (1) Giá xút nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xút 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn